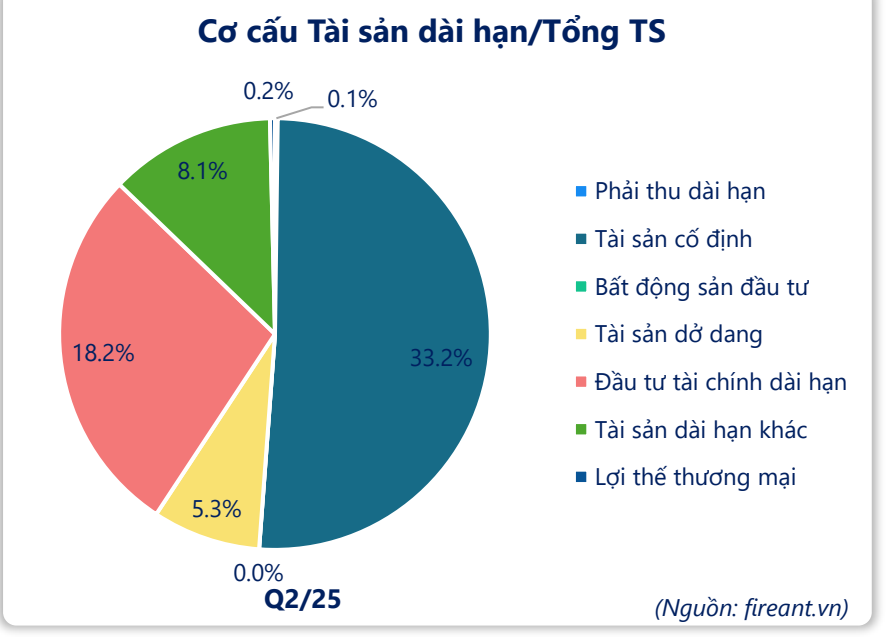
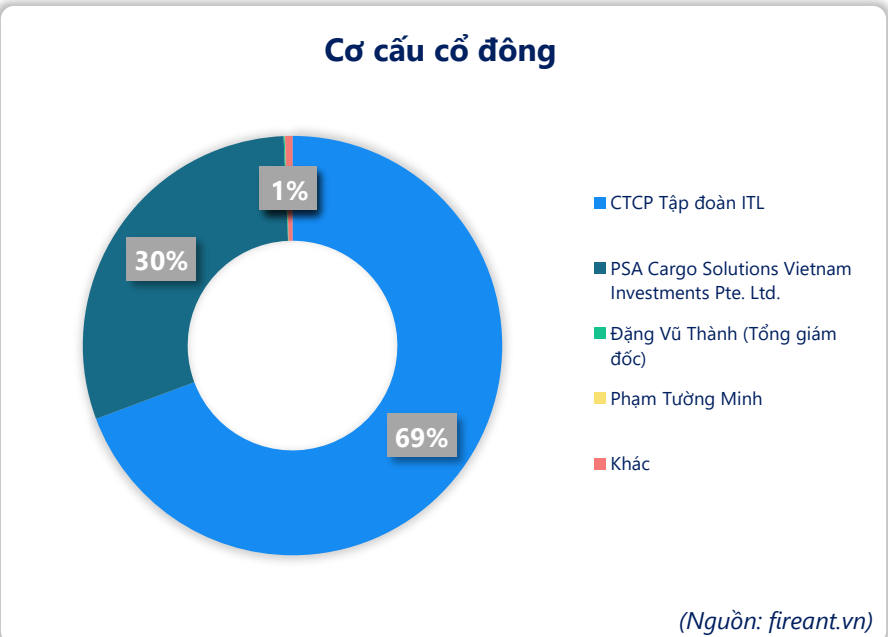
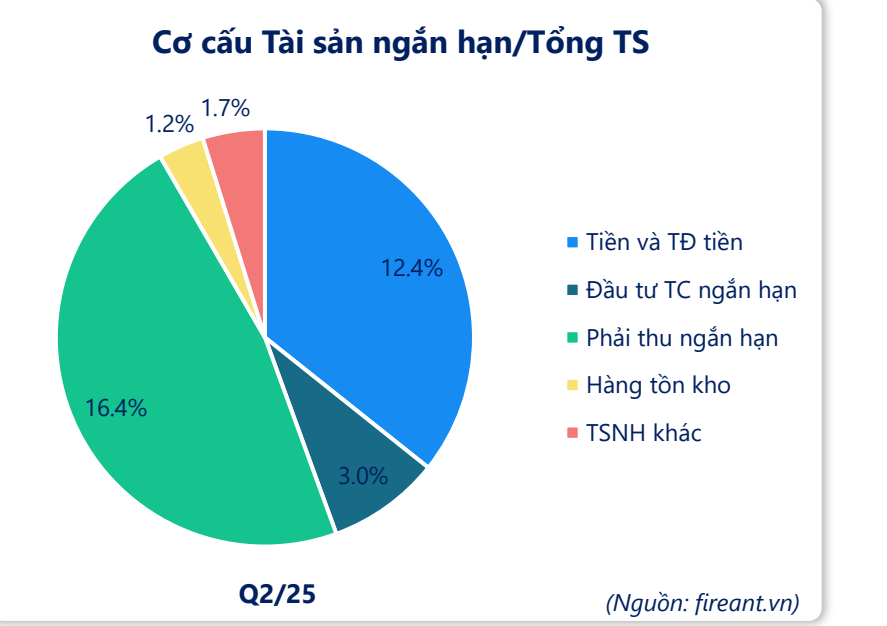
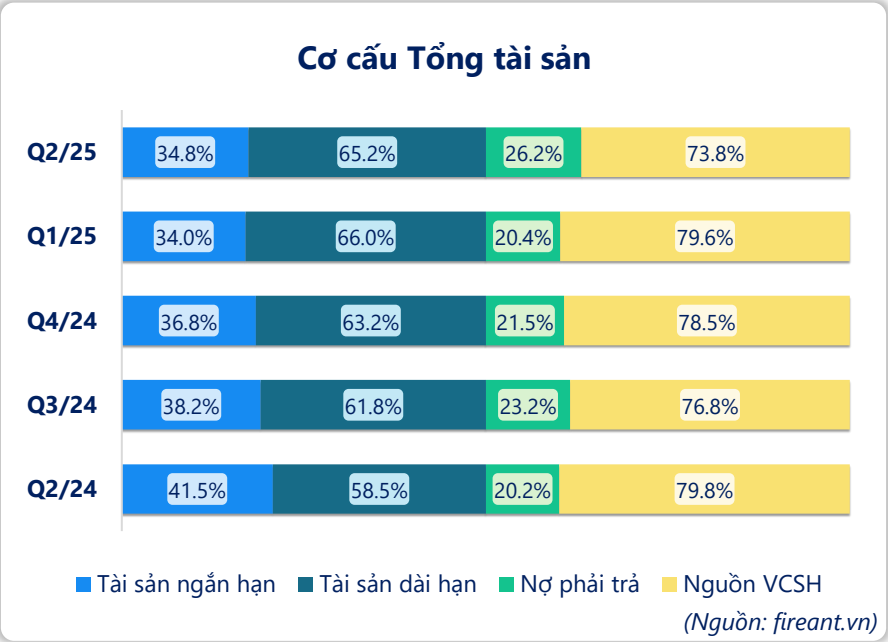
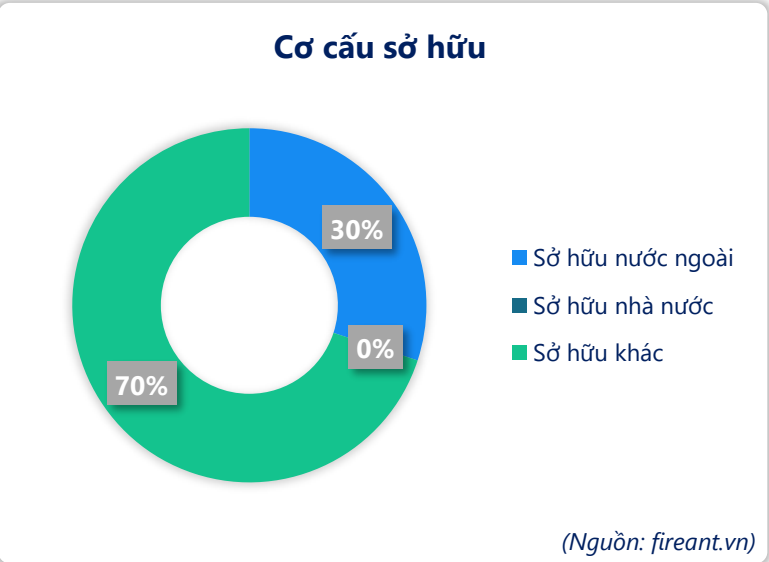
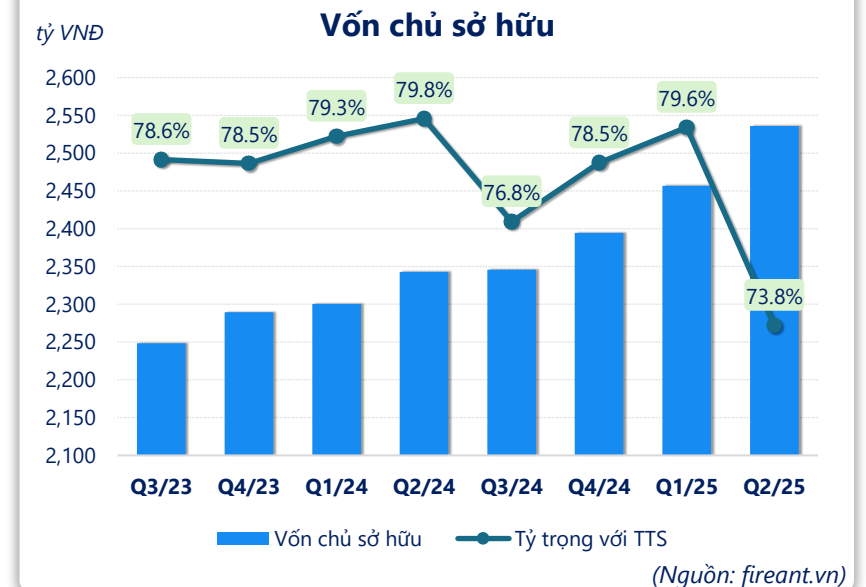
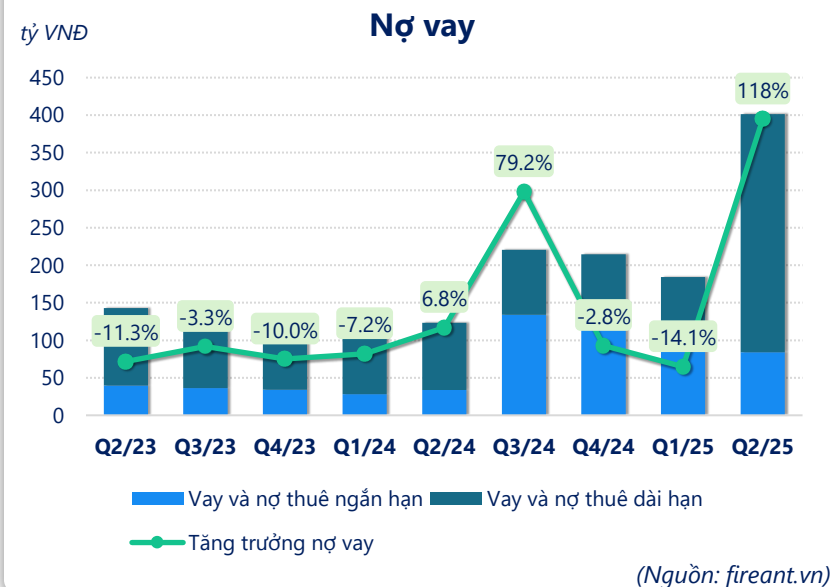
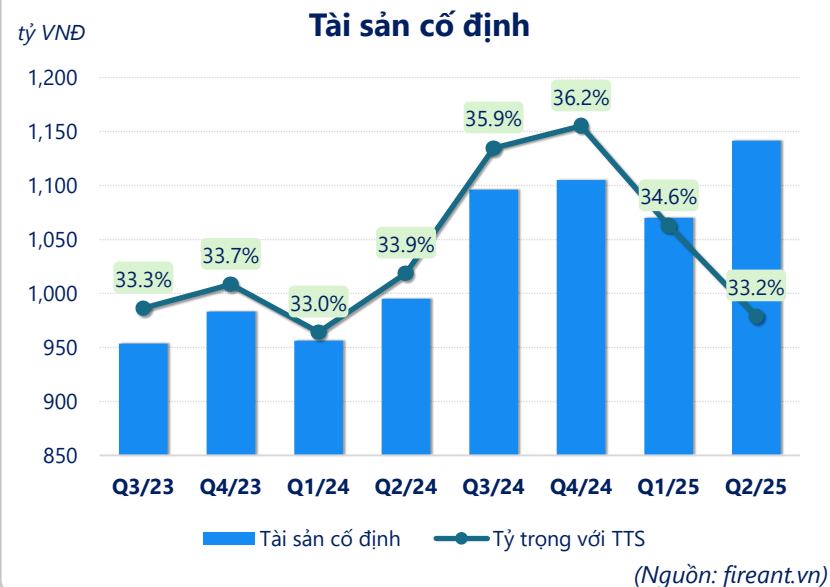
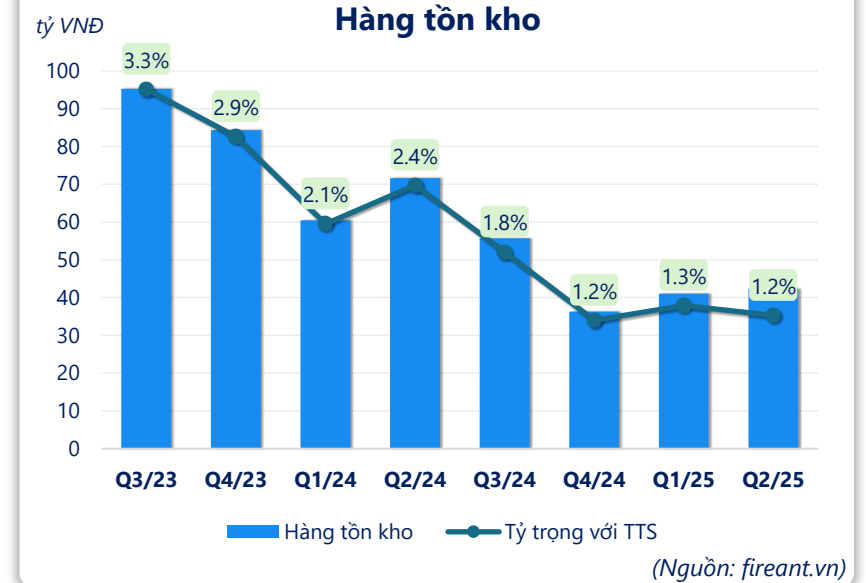
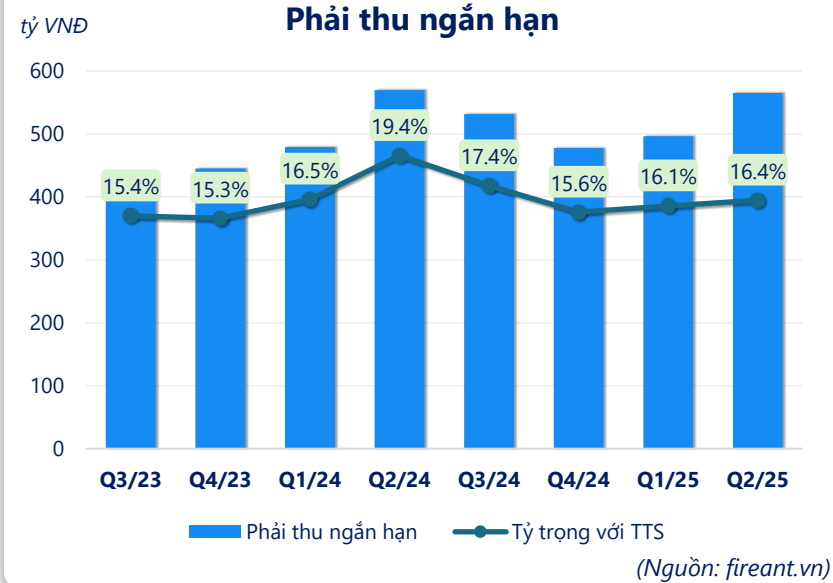
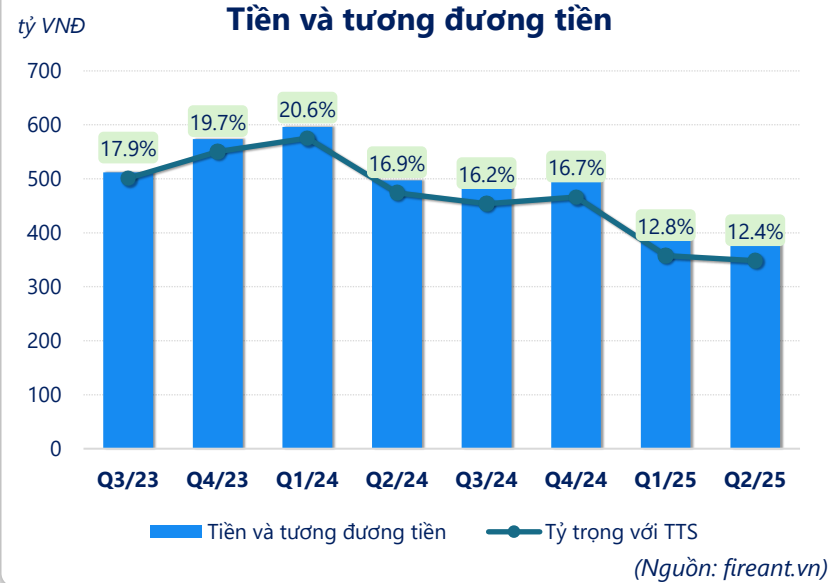
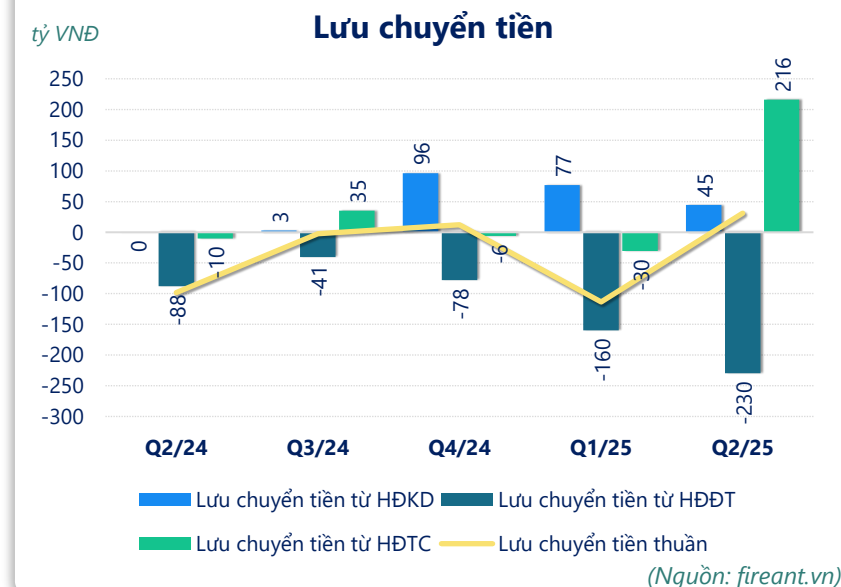
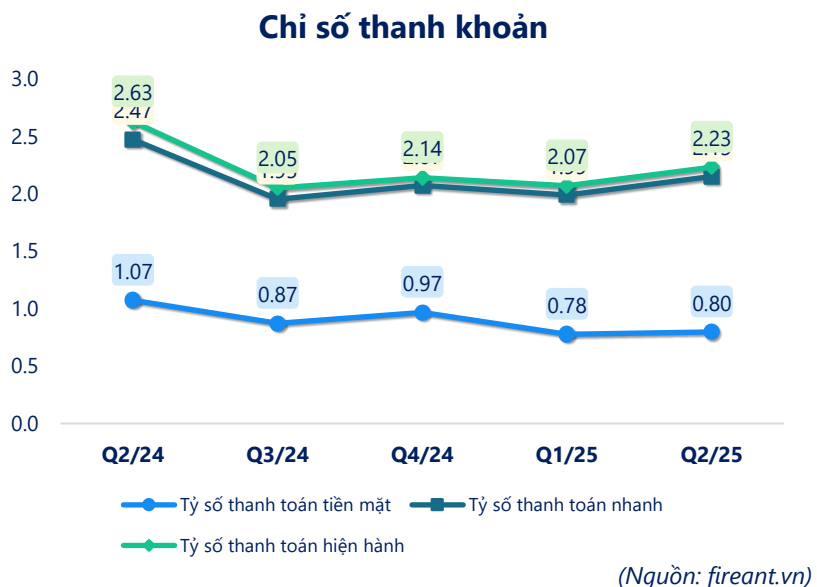
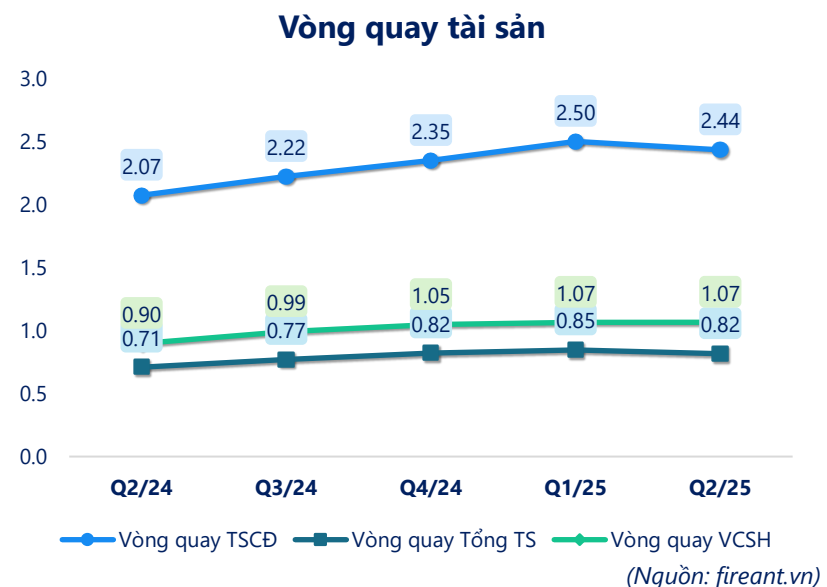
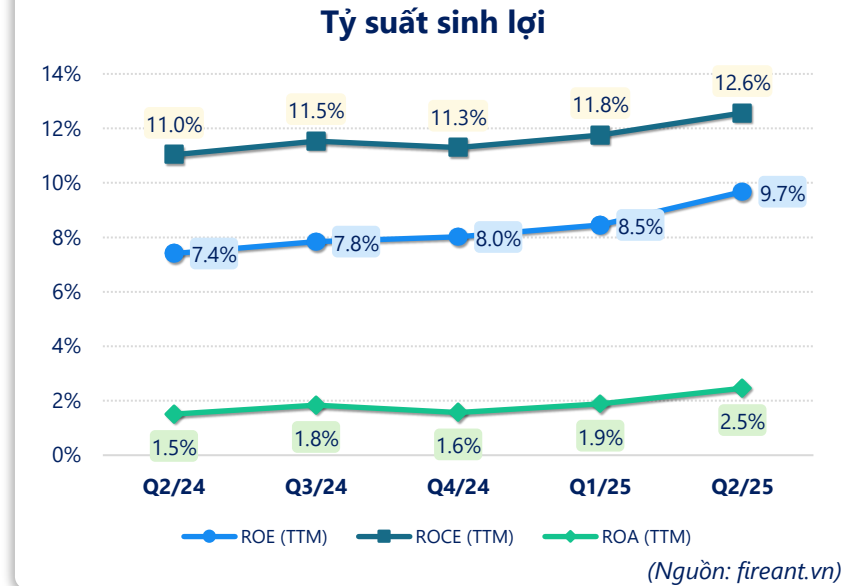
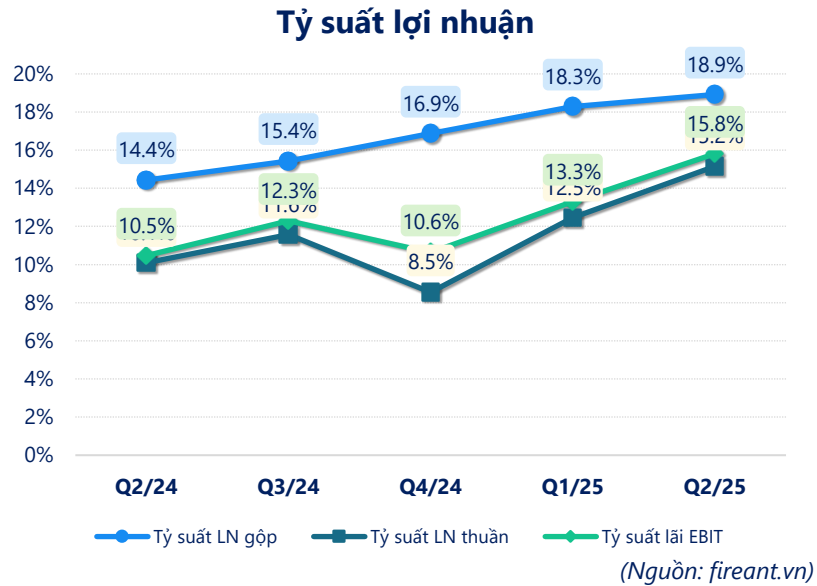
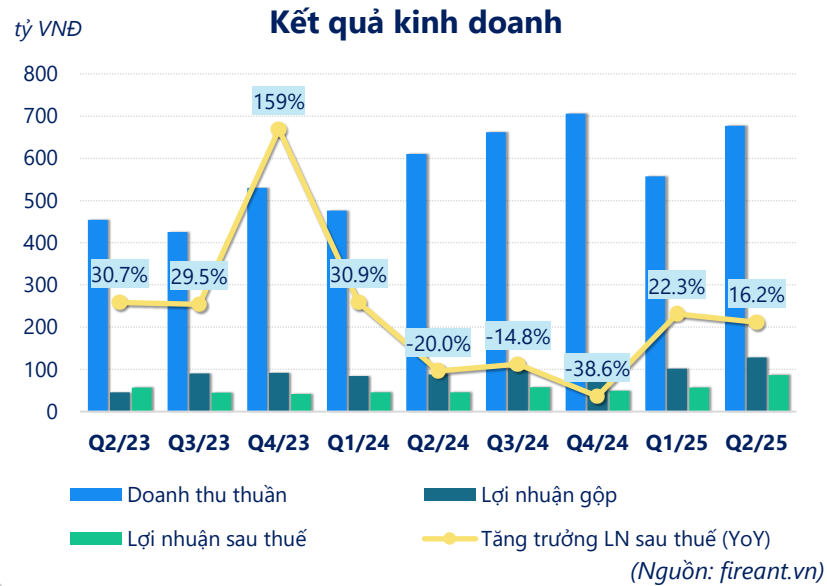


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		36,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		47,150
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,750
SL cổ phiếu LH		98,253,357
KLGD BQ 20 phiên (CP)		325
% sở hữu nước ngoài		30.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,586
P/E		15.2
EPS		2,402

	YTD	1T	3T	6T
STG	-8.6%	4.0%	-6.4%	-6.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,437	3,052	12.6%
Tài sản ngắn hạn	1,197	1,127	6.2%
Tiền và tương đương tiền	428	508	-15.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	86.5	21.0%
Phải thu ngắn hạn	565	479	18.1%
Hàng tồn kho	42.4	36.3	16.9%
Tài sản ngắn hạn khác	57.6	17.9	222%
Tài sản dài hạn	2,240	1,925	16.3%
Phải thu dài hạn	4.59	3.47	32.4%
Tài sản cố định	1,142	1,105	3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	181	149	21.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	625	606	3.1%
Tài sản dài hạn khác	279	47.7	484%
Lợi thế thương mại	8.31	13.4	-38.1%
Nợ phải trả	901	652	38.1%
Nợ ngắn hạn	537	527	2.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	83.9	136	-38.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	138	128	8.4%
Nợ dài hạn	364	126	189%
Vay và nợ thuê dài hạn	318	78.5	304%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,536	2,400	5.7%
Vốn chủ sở hữu	2,536	2,400	5.7%
Vốn điều lệ	983	983	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	611	662	706	557	677
Giá vốn hàng bán	522	560	587	455	549
Lợi nhuận gộp	88.1	102	119	102	128
Doanh thu HĐTC	8.39	3.59	9.51	4.72	10.0
Chi phí TC	4.08	3.95	6.99	5.04	8.94
Chi phí lãi vay	3.71	2.42	5.83	3.94	4.57
LN trong công ty LKLD	21.4	23.1	21.5	21.9	30.9
Chi phí bán hàng	20.2	21.4	21.7	23.5	26.2
Chi phí QLDN	32.0	26.9	61.1	30.5	31.2
LN thuần từ HĐKD	61.6	76.6	60.3	69.4	103
Lợi nhuận khác	-1.38	2.31	8.94	0.71	-0.10
LN trước thuế	60.2	78.9	69.3	70.1	102
Lợi nhuận sau thuế	45.9	57.7	49.3	57.0	86.2
LNST của CĐ cty mẹ	43.4	54.4	46.8	56.5	78.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.33	3.01	96.3	76.7	44.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-87.9	-40.6	-78.0	-160	-230
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.2	35.2	-5.86	-30.2	216
Tiền đầu kỳ	596	497	495	508	394
Lưu chuyển tiền thuần	-98.3	-2.38	12.4	-113	31.1
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.57	0.36	0.23	0	1.93
Tiền cuối kỳ	497	495	508	394	428

(Nguồn: fireant.vn)